

SO SÁNH CHỨC NĂNG CỦA TỪ OK TRONG TIẾNG ANH, TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG THÁI

PATTHIDA BUNCHAVALIT*

Abstract: Although the word OK is widely used throughout the world, there are differences in its functions depending on the culture of each society and language. The research results, based on surveys of several Vietnamese and Thai works, show that in Vietnamese and Thai, OK means consent which reflects personality, that is, both Thai and Vietnamese people often indicate their agreement and acceptance with interlocutor's statement rather than expressing disagreement or criticism. However, in English, this word has two special roles: asserting one's viewpoint and concluding a conversation, that are not commonly used in conversation because it is considered impolite. Moreover, English speakers do not employ OK repeatedly like Thai speakers while Thai people prefer to use OK repeatedly to show speaker's enthusiasm.

Key words: *Pragmatics, English, Vietnamese, Thai.*

1. Mở đầu

Hiện nay, nhiều ngôn ngữ trên thế giới có nhiều từ được coi là ngoại lai, đa số chúng được du nhập từ tiếng Anh, một ngôn ngữ đang ngày càng có sức ảnh hưởng mạnh mẽ tới các ngôn ngữ khác trên thế giới, trong đó bao gồm cả tiếng Thái và tiếng Việt. *OK* hoặc *okay* vốn là một từ rất thông dụng trong tiếng Anh nhưng hiện nay nó đã len lỏi và có mặt ở nhiều ngôn ngữ khác nhau. Mặc dù từ này được hợp thành từ các chữ cái đều được viết hoa và phát âm riêng biệt nhưng theo ngữ dụng học, *OK* giữ một vai trò đáng kể trong các ngôn ngữ và có một chút khác biệt tùy theo từng ngôn ngữ. Bài viết này đã khảo sát thông qua một số tác phẩm cả tiếng Việt lẫn tiếng Thái như: Wutthichamnong Weena [10] và Phạm Văn Tình [3]. Tuy tiếng Việt, tiếng Thái và các ngôn ngữ vùng Đông Nam Á được coi là tiêu biểu cho loại hình ngôn ngữ đơn lập (isolating language) trong khi tiếng Anh là ngôn ngữ loại hình hòa kết (flexional language) nhưng chức năng của từ *OK* trong ba ngôn ngữ đều có đặc điểm giống và khác nhau. Ngoài ra, chức năng của từ *OK* trong tiếng Việt và tiếng Thái - hai ngôn ngữ được coi là thuộc cùng loại hình đơn lập cũng không có đặc điểm giống nhau hoàn toàn. Sự vay mượn từ *OK* của tiếng Việt và tiếng Thái đã gây ra sự thay đổi hoặc sự biến đổi ngôn ngữ (linguistic variation) nói chung và chức năng của từ *OK* nói riêng. Dân tộc là một trong những nhân tố xã hội khiến cho việc sử dụng ngôn ngữ của con người khác nhau (dẫn theo [9]).

2. Sự ra đời của từ *OK*

Có rất nhiều giả thiết về sự xuất hiện và nguồn gốc của từ này. Theo Ái Nhi [1], *OK* xuất phát từ một thành ngữ của các thú tiếng: Scotland *och aye* có nghĩa là được, nhất trí; tiếng Hy Lạp *ola kala* có nghĩa là nó tốt đấy; tiếng Choctaw *oke, okeh*. Tất cả đều mang ý nghĩa là tốt đẹp và đồng ý. Theo Phạm Văn Tình [3] và Hải Khanh [2], *OK* bắt nguồn từ tiếng Anh mà trong quá khứ từ này từng là chữ viết tắt của *oll korreect*, một cách đọc trật đi của *all correct*

* Trợ lý GS.TS., Khoa Khoa học Nhân văn, Trường Đại học Ramkhamhaeng, Thái Lan.

nhưng ngày nay không còn được xem là một từ viết tắt nữa. Theo lịch sử của từ này, nhiều năm trước khi cuộc nội chiến Mỹ (1861-1864), những người làm báo ở Mỹ cho rằng việc viết sai chính tả của một số từ sẽ mang tính hài hước. Thậm chí, cả cố Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln cũng ủng hộ trào lưu này và từng gửi thông điệp với nhiều từ không theo chuẩn chính tả. Vào khoảng năm 1839, từ *oll korrekt* được viết ngắn gọn lại thành *O.K.* và trở nên quen thuộc với các độc giả báo chí ở bờ Đông Mỹ thời bấy giờ. Từ này đã phổ biến khắp nước Mỹ khi gắn liền với chiến dịch tranh cử tổng thống của ứng viên Martin Van Buren (1782-1862).

Một trong những mục tiêu trong chiến dịch của Tổng thống thứ tám của Mỹ - Martin Van Buren là ông có thể thực hiện được những thành tựu tương tự như Tổng thống tiền nhiệm Andrew Jackson nhiều nhất có thể. Andrew Jackson được biết đến với biệt danh *old hickory* nên Buren chọn *Old Kinderhook*, ý chỉ nơi ông sinh ra. Từ đó, *O.K.* (viết tắt của *Old Kinderhook*) trở thành biểu tượng của Andrew Jackson và slogan *Vote for OK* có nghĩa là hãy bỏ phiếu cho Old Kinderhook. Trong khi đó, cánh truyền thông lại nhanh chóng liên hệ giữa biệt danh của Buren với từ *O.K.* là viết tắt của *all correct*.

Theo một tài liệu, có lịch sử lâu đời cũng có nhắc đến từ *OK* bắt nguồn từ việc Đảng Dân chủ chấp nhận đưa từ này vào làm khẩu hiệu trong suốt thời gian bầu cử Tổng thống Mỹ năm 1840, ứng cử viên của họ là tổng thống Martin Van Buren, ông có biệt danh là Old Kinderhook, vốn là cái tên được đặt theo nơi sinh của ông ở bang New York và những người ủng hộ ông đã thành lập câu lạc bộ có tên là *OK club*.

Trong suốt những năm 1930, giới báo chí Mỹ viết *all correct* thành *orl korrket* có thể giải thích cho các chữ cái đầu của từ *OK*. Giả thiết này đã được các học giả danh tiếng của Mỹ xác minh và cũng được đưa ra trong nhiều cuốn từ điển, trong đó có cả từ điển Oxford. Cũng có giả thiết cho rằng *OK* xuất hiện trong ngôn ngữ Tây Phi dùng để diễn đạt một từ có nghĩa là được, thực sự là rất được. Ngoài ra, còn có một giả thiết cho rằng *OK* xuất hiện vào năm 1861. Khi đó, nước Mỹ xảy ra nội chiến, cuộc chiến kéo dài đến năm 1865, thời tổng thống Abraham Lincoln. Tổng thống Lincoln yêu cầu mỗi buổi tối phải có một bản báo cáo gửi đến Nhà Trắng về số người thương vong trong ngày, hôm nào không có người chết thì báo cáo được ghi là *OK*, tức là *O killed* có nghĩa là không có người chết. Cũng có thể từ đó, *OK* ra đời và trở thành từ cửa miệng để chỉ sự hài lòng, đồng ý, tán thành, chấp nhận.

Nói tóm lại là chữ *OK* lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1839, trên tờ Boston Morning Post và đây là từ viết tắt của *oll korrekt* và còn là tiếng lóng phổ biến của *all correct* (chính xác) vào thời điểm đó. Song dù nguồn gốc của nó là gì thì *OK* đã trở thành một trong những từ phổ biến nhất trên thế giới và là một trong những từ ngoại lai được xuất khẩu thành công nhất của nước Mỹ.

3. Chức năng của từ *OK* trong tiếng Anh

Từ *OK* hoặc *Okay* đã bắt đầu được sử dụng rộng rãi ở Mỹ từ giữa thế kỉ XIX, chính vì vậy mà người ta đã thống kê được là nước Mỹ chính là nơi sử dụng từ này với tần số cao nhất. Nhưng không riêng gì nước Mỹ mà hầu hết các nước khác trên giới cũng đều coi từ *OK* là từ cửa miệng trong giao tiếp cả trong văn nói lẫn văn viết. Ngày nay, *OK* có thể được dùng như một danh từ, động từ, trạng từ hay thán từ trong tiếng Anh và được coi là ngôn ngữ không chính thức.

Bài nghiên cứu về từ *OK* của Gaines (2011) (dẫn theo [10]) đã nghiên cứu vai trò của từ *OK* theo ngữ dụng học. Bài nghiên cứu này cho biết, ngữ điệu (intonation) là một trong những yếu tố quan trọng gây ra tác dụng khác nhau đến vai trò của chúng trong tiếng Anh. Người nói một phát ngôn nào đó bằng ngữ điệu bình thường để biểu thị sự chấp nhận với người đối thoại nhưng có thể là sự chấp nhận nhưng chưa tán thành cho phép làm một hoạt động nào đó hoặc chỉ chấp nhận điều mà người đối thoại đã nói trước đó rồi sau đó người nói mới bắt đầu nói điều mình muốn sau.

Hơn nữa, Gaines (2011) (dẫn theo [10]) còn cho rằng *OK* còn là công cụ để kết thúc hội thoại nếu người nói sử dụng ngữ điệu cao cuối câu khẳng định (affirmative sentence) biểu hiện câu hỏi (question tag). Người nói có thể dùng *OK* để kiểm tra xem người đối thoại còn theo dõi, lắng nghe mình hoặc hiểu ý mình hay không. *OK* không những được sử dụng để xin phép hoặc xin ý kiến trong hoàn cảnh người nói phát ngôn một điều mà người nghe không mong muốn, mà nó còn được dùng để làm chiến lược luân phiên. Nói một cách khác, chiến lược luân phiên giúp cho mình được quyền để phát ngôn với cách sử dụng *OK* để kết thúc hội thoại và phát ngôn tiếp. Trong tiếng Anh, *OK* còn được sử dụng trong khi trả lời câu hỏi điều tra của cảnh sát để từ chối cáo buộc nhưng hiện tượng này ít xuất hiện.

Ngoài ra, còn có các bài nghiên cứu so sánh từ *OK* với các từ khác như: *mmhmm*, *so*, *right*, *yeah*, *anyway* (Guthrie, 1997; Othman, 2010; Querol - Julián & Bellés - Fortuno, 2010; Huddleston & Fairhurst, 2013 - dẫn theo [10]). Nghiên cứu của Guthrie (1997) cho thấy *OK* trong tiếng Anh được sử dụng để biểu hiện sự nhận biết khi kết thúc cuộc hội thoại hoặc nếu còn phát ngôn tiếp theo, từ này sẽ dùng để làm dấu hiệu nhằm bắt đầu một chủ đề mới. Nói một cách khác, từ *mmhmm* biểu hiện để nhận biết là hội thoại đó chưa kết thúc và còn có phát ngôn khác tiếp theo. Còn cách sử dụng *OK* với ngữ điệu cao, Othman (2010) cho biết là người nói dùng *OK* để kiểm tra sự hiểu biết trước khi kết thúc hội thoại và đó là một tín hiệu của người nói biểu hiện là đã sẵn sàng để nói sang chủ đề khác. Nhưng nếu dùng từ *right*, nó sẽ dùng để biểu hiện việc khẳng định nội dung của người nói và người nghe có chung hiểu biết. Hơn nữa, *OK* còn được sử dụng với từ *alright* để biểu hiện là người nói có ý định và sẵn sàng phát ngôn. Còn từ *yeah?* dùng để kiểm tra xem người nghe có thể theo dõi nội dung trong cuộc hội thoại hay không. Đối với các từ *mmhmm*, *so*, *right*, *yeah*, *anyway* đã nêu trên, nếu sử dụng *OK* với ngữ điệu thấp thì nó sẽ xuất hiện ở đầu câu để thu hút sự chú ý từ người nghe và nó liên quan đến điều đã nói trước nhưng mang nghĩa khác biệt với từ *right* vốn dùng để phát ngôn đến điều sẽ xảy ra. Querol - Julián & Bellés - Fortuno (2010) đã nghiên cứu các từ *and*, *so*, *okay* trong ngữ cảnh buổi trình bày phát biểu tại hội thảo, kết quả nghiên cứu cho rằng các từ này không xuất hiện với tư cách là từ đơn mà chúng sẽ xuất hiện chung với các từ *and uh*, *um and so*, *and uh okay*. Nếu sử dụng ngữ điệu cao, *OK* sẽ mang ý nghĩa biểu hiện là người nói đang cố gắng thu hút sự chú ý từ người nghe cũng như người trình bày thường có các phi ngôn ngữ: bước lên trước, lùi về sau, nhìn vào mắt với người nghe và cử động tay cùng với phát ngôn *OK*.

Trong tiếng Anh kiểu Châu Phi, nghiên cứu của Huddleston and Fairhurst (2013) (dẫn theo [8]) cho thấy người nói chuộng dùng từ *OK* để thu hút sự chú ý từ người nghe, khởi đầu hội thoại, là tín hiệu kết thúc hội thoại và để kiểm tra xem người nghe có hiểu lời mình nói

hay không. OK không những được sử dụng để kéo dài thời gian trong ngữ cảnh người nói đang suy nghĩ về điều mình sẽ phát ngôn mà còn sử dụng để thích ứng một lời nói thành lời nói cá nhân (introduce reported speech). Trong khi từ *anyway* dùng để kết nối giữa điều mình sẽ phát ngôn với điều mình đã phát ngôn trước đó thì đây là một chiến lược nhằm giải quyết vấn đề khi người nói không thể tranh luận được với người đối thoại cũng như để giữ thể diện cho người nói và khẳng định hội thoại vẫn đang tiếp diễn. Còn từ *shame* là từ riêng biệt của ngôn ngữ Anh Châu Phi vì nó xuất hiện nhiều hơn các ngôn ngữ tiếng Anh khác. Nó được sử dụng như từ châm than, từ biểu hiện cho thấy người nói và người nghe thuộc về cùng một nhóm và còn sử dụng để biểu hiện sự buồn bã hoặc biểu hiện tâm trạng.

Theo Cambridge Dictionary [5], OK là từ/cụm từ được sử dụng để liên kết, kết nối, tổ chức và sắp xếp những ý tưởng (discourse marker) như: *sự đồng ý (agreeing)*; *thay đổi hoặc kết thúc chủ đề (changing topic or closing a conversation)*; *kiểm tra sự hiểu biết (checking understanding)*. Ngoài ra, OK còn làm vai trò như tính từ, trạng từ, danh từ và thán từ [5], [7], [8] và được sử dụng theo nhiều ý nghĩa như: 1) an toàn, tốt, thoải mái, trong trạng thái bình tĩnh hoặc hạnh phúc, ví dụ: *Are you OK with that?*; 2) được rồi; chấp nhận được; một cách có thể chấp nhận được, ví dụ: *Is it OK if I leave now?*, *Whatever you decide, it's okay by me*; 3) hợp thời trang, cao cấp, ví dụ: *In spite of the levelling effect of package holidays, skiing is still an okay sport*; 4) đáng tin cậy; thích hợp, ví dụ: *I had a chat with him today, and he's all O.K.*; 5) thích hợp, được phép, ví dụ: *See if you can find me a house down there... That yellow house across from you would be O.K.* Vì vậy, OK trong tiếng Anh có thể chia thành 13 vai trò như sau:

3.1. Biểu thị sự nhận biết

OK được sử dụng để phản hồi và thể hiện rằng chúng ta đã hiểu, chấp nhận hoặc đồng ý với những gì ai đó đang nói. Ví dụ như:

A: *I'll see you at 5 in front of the library.*

B: *OK. See you later.*

3.2. Biểu thị sự đồng ý

OK được sử dụng để biểu hiện sự đồng tình, đồng ý, tán thành, chấp nhận. Ví dụ:

A: *Is it OK for me to come too?*

B: *OK, you are welcome.*

3.3. Chuyển sang chủ đề khác

OK được sử dụng để thể hiện rằng chúng ta đang chuyển sang chủ đề hoặc giai đoạn trò chuyện mới. Điều này thường xảy ra trong các tình huống khi người nói đưa ra hướng dẫn. Ví dụ: *Okay, let's get into groups of four now.*

3.4. Kết thúc hội thoại

OK cũng được sử dụng để đánh dấu sự kết thúc của cuộc trò chuyện, ví dụ như: *right, okay, take care of yourself. Bye.*

3.5. Kiểm tra sự hiểu biết

OK được sử dụng để kiểm tra sự hiểu biết và thường đặt nó ở vị trí cuối câu, ví dụ: *I said you can't do that, OK?*

3.6. Xin phép hoặc xin ý kiến của người nghe

OK được sử dụng để xin phép hoặc xin ý kiến trong hoàn cảnh người nói phát ngôn một điều mà người nghe không mong muốn, ví dụ: *I know it's difficult to talk ... just nod or shake your head. OK?*

3.7. Để làm chiến lược luân phiên

OK được sử dụng trong chiến lược luân phiên để mình được quyền để phát ngôn và kết thúc hội thoại và phát ngôn tiếp, ví dụ hội thoại trong cuộc họp: *Okay, we have been discuss for long time. Let's get start the conclusion.*

3.8. Từ chối cáo buộc

OK được sử dụng trong khi trả lời câu hỏi điều tra của cảnh sát để từ chối cáo buộc nhưng hiện tượng này ít xuất hiện.

3.9. Biểu thị có ý định và sẵn sàng phát ngôn

OK được sử dụng khi người nói có ý định và sẵn sàng phát ngôn, ví dụ: *OK, I'm ready to talk about our problem.*

3.10. Thu hút sự chú ý từ người nghe

OK có thể mang ý nghĩa biểu hiện là người nói đang cố gắng thu hút sự chú ý từ người nghe. Nếu OK được sử dụng với ngữ điệu thấp thì nó sẽ xuất hiện ở đầu câu để thu hút sự chú ý từ người nghe và nó liên quan đến điều đã nói trước. Ví dụ trong lớp học, cô giáo phát ngôn *Okay, it's time to present your homework. Are you ready?*

3.11. Khởi đầu hội thoại

OK được sử dụng để khởi đầu hội thoại, ví dụ: *OK, we should go to the picnic today because it's very nice.*

3.12. Kéo dài thời gian

OK được sử dụng để kéo dài thời gian suy nghĩ về điều mình muốn phát ngôn, ví dụ: *OK ... I already have an idea for this project.*

3.13. Thích ứng một lời nói thành lời nói cá nhân

OK được sử dụng để thích ứng một lời nói thành lời nói cá nhân, ví dụ: *OK ... I mean, the process seems complicated. We should stop for a while.*

4. Chức năng của từ OK trong tiếng Việt

Theo Phạm Văn Tình [4], OK trong tiếng Việt được dùng để biểu thị sự đồng tình, đồng ý hay sự hài lòng trước một vấn đề nào đó. Nói chung, OK là từ chủ đạo, mang nghĩa tán thành, chấp nhận, tốt, rất tốt, là ổn, là được, cho qua để chuyển sang việc khác hoặc là kết thúc hội thoại. Vì vậy, OK trong tiếng Việt có thể chia thành sáu vai trò như sau:

4.1. Kết luận

OK có thể dùng để kết luận trong trường hợp hội thoại đã thực hiện một thời gian và người đối thoại có ý định kết luận cho mọi người hiểu theo cùng một hướng.

A: *Mai bạn B tan học mấy giờ?*

B: *5 giờ tối.*

A: *Còn bạn C thế nào?*

C: *5 rưỡi.*

A: *OK! Thế mai chúng ta gặp nhau lúc 6 giờ tối đi.*

Trong trường hợp này, *OK* được sử dụng để kết luận cuộc hội thoại về thời gian hẹn gặp nhau. Ngoài ra, các từ như “Thế thì, Như thế, Như vậy” cũng có thể sử dụng thay thế.

4.2. **Đánh giá**

OK có thể mang nghĩa như tính từ tùy theo từng ngữ cảnh khác nhau, nó không chính xác về nghĩa nhưng thường mang nghĩa là tốt, là ổn, là được, là hợp. Ví dụ: *Ngay cả nếu tôi phải chết, nếu nó là dành cho bạn, tôi cũng OK.* Từ *OK* trong câu này mang nghĩa là được, là chịu làm, là sẵn sàng; *Hàng đó tôi thấy cũng OK, giá lại rẻ.* Từ *OK* trong câu này mang nghĩa về chất lượng của hàng là nó tốt, nó hợp với giá cả. Hãy xem xét thêm vai trò này của từ *OK* trong hai trường hợp sau đây.

A: *Em mặc như vậy, OK không anh ạ?*

B: *OK lắm rồi em.*

Trong trường hợp trên, *OK* mang nghĩa là đẹp, là tốt.

A: *Chị mới nghe nói tin buồn của gia đình em, em OK không?*

B: *Em OK chị ạ, cảm ơn chị nhiều nhé.*

Trong trường hợp trên, *OK* mang nghĩa là ổn, là có thể chấp nhận được tin buồn này.

Từ *OK* là một tính từ, *OK* chủ yếu có nghĩa là đầy đủ hoặc chấp nhận được, như một sự tương phản với xấu. Từ này cũng có thể có nghĩa là thường, bình thường khi được sử dụng trái ngược với tốt. Ví dụ trong trường hợp có một người đi ăn hàng và phát ngôn.

Món khoai tây chiên giòn tuyệt vời, nhưng bánh mì thì chỉ OK.

Từ *OK* trong ví dụ trên mang nghĩa là chấp nhận được hoặc có vị bình thường, không ngon lắm. *OK* còn đóng vai trò tương tự như một phó từ như trong ví dụ trong trường hợp hai người bạn đi trượt tuyết sau: *Ồ, lần đầu trượt tuyết mà bạn được như vậy là OK lắm đó!*

Từ *OK* trong ví dụ trên mang nghĩa là giỏi.

4.3. **Biểu thị sự đồng tình, đồng ý, tán thành, chấp nhận**

OK xuất hiện bằng câu trả lời hoặc câu hỏi để biểu thị sự đồng tình, đồng ý, tán thành, chấp nhận. Ví dụ trong trường hợp A đi mua quần áo ở quán của B.

A: *Em mặc thử cái áo này được không chị?*

B: *OK em, em cứ mặc đi.*

Trong trường hợp nêu trên, *OK* biểu thị sự đồng ý của chủ quán là có thể mặc thử áo được.

A: *Chị đã sắp xếp công việc sao cho phù hợp với khả năng của mỗi người, làm việc này em thấy OK không?*

B: *OK chị ạ.*

Trong trường hợp nêu trên, *OK* biểu thị sự chấp nhận ý kiến của B đối với A.

Ví dụ trong trường hợp B đã đến chơi nhà A từ sáng đến tối.

A: *Mình rất vui vì hôm nay cậu đã đến chơi!*

B: *Ừ, mình cũng thế.*

A: Khi nào rảnh thì lại đến nhà mình chơi nữa nhé.

B: OK, mình về đây. Tạm biệt cả nhà.

Trong trường hợp nêu trên, OK biểu thị sự chấp nhận lời mời của A đối với B.

4.4. Biểu thị sự hiểu biết

OK có thể dùng để biểu thị sự hiểu biết của người nói, ví dụ trong cuộc học ở một công ty, sau khi nhân viên (A) trình bày một dự án mới và hỏi sếp (B), để khẳng định là người nghe đã hiểu, sếp đã phát ngôn rằng: OK, *tôi hiểu rồi* hoặc một trường hợp khác sau đây:

A: Các bạn đã hiểu thủ tục công việc của ngày mai chưa?

B: OK, cũng không có gì phức tạp cả.

Trong trường hợp nêu trên, OK dùng để biểu thị mức độ hiểu biết của người nghe.

4.5. Chuyển sang chủ đề khác

OK có thể dùng để biểu thị rằng người nói có ý định chuyển sang chủ đề khác vì cuộc hội thoại đang thực hiện quá dài hoặc chưa kết luận được điều gì. Ví dụ một cuộc họp đã kéo dài liên tục trong 1 tiếng đồng hồ nhưng mọi người vẫn chưa đưa ra được kết luận gì nên ông giám đốc bèn nói: *OK, tôi có ý kiến thế này. Chúng ta nên mời cả anh Nam tham gia cuộc họp vì anh ấy là người chịu trách nhiệm việc này.* Hoặc một trường hợp khác ở một công ty, A muốn gặp B nhưng B đang có khách nên bảo A chờ ở ngoài. Sau khi khách ra khỏi phòng, B lại quay sang làm việc khác và không chú ý đến A.

A: OK, tôi vào được chưa?

B: OK, được rồi. Xin lỗi vì đã khiến anh chờ quá lâu.

Trong trường hợp nêu trên, OK của A dùng để chuyển sang chuyện của mình. Còn OK của B dùng để biểu thị sự đồng ý để A vào phòng ngay thời điểm đó.

4.6. Kết thúc hội thoại

OK trong vai trò này xuất hiện khi người nói muốn kết thúc hội thoại và thường có một lời nói khác tiếp theo từ OK. Ví dụ trong cuộc thỏa thuận mua bán đất, người mua đã mặc cả nhiều lần rồi và người bán muốn kết thúc hội thoại nên nói rằng “OK, như thế này ạ. Tôi sẽ giảm giá các cho các anh chị ạ nhưng chúng ta phải làm hợp đồng trong tuần này ạ”.

Ngoài ra, nó cũng có thể mang nghĩa là đồng ý khi nó được sử dụng như một danh từ (Ông chủ đã chấp nhận mua) hoặc, thêm thông tục, như một động từ (Ông chủ OK mua). Từ OK còn là một dấu hiệu thảo luận linh hoạt hoặc là một mục chuyển tiếp, nó cũng có thể được sử dụng với giọng điệu phù hợp để tỏ ra nghi ngờ hoặc để tìm kiếm xác nhận: Chẳng hạn như: OK? (giọng cao ở cuối câu) hoặc có ổn không?.

5. Chức năng của từ OK trong tiếng Thái

Từ *OK* có nhiều biến thể trong tiếng Thái như các từ: โอ /o:/, เค /k^he:/, โอเซ /o:se:/ ออเค /o:khe:/, อะเค /ʔ k^he:/, เคเร /k^hre:/, อะเคเร /ʔ k^hre:/. Bài viết này sẽ dựa trên kết quả nghiên cứu của Wuthchamnon Weena [10] phân tích từ *OK* theo ba quy luật của Guthrie, 1997; Othman, 2010; Querol-Julían & Bellés-Fortuno, 2010; Huddleston & Fairhurst, 2013. Chúng là ý định của sự luân phiên trong hội thoại, ngữ cảnh, phi ngôn ngữ như gật đầu, khuôn mặt, giao tiếp bằng mắt và ngữ điệu.

Hiện nay hiện tượng sử dụng *OK* của người Thái trở nên rất thông dụng. Dù một người Thái không biết tiếng Anh nhưng họ vẫn biết cách sử dụng *OK* như một từ thông dụng trong nhiều ngữ cảnh khác nhau theo văn hóa Thái Lan. Chẳng hạn như:

A: *Ngày mai cậu có đi làm không?*

B: *Có chứ.*

A: *OK, không có gì đâu. Tớ chỉ hỏi thế thôi.*

B: *OK.*

OK của A làm vai trò để kết thúc hội thoại, còn *OK* của B làm vai trò chấp nhận câu trả lời. *OK* xuất hiện trong giao tiếp hàng ngày nói chung và có nhiều vai trò khác nhau trong ngữ dụng học nói riêng. Nghĩa của *OK* trong mỗi ngữ cảnh tùy theo ý định của người nói và cách đánh giá của người nghe theo góc nhìn của hành vi ngôn ngữ (speech acts). Vì vậy, *OK* được sử dụng vô cùng thông dụng và rộng rãi với nhiều ngữ nghĩa khác nhau tùy theo từng ngữ cảnh. *OK* trong tiếng Thái có thể chia thành 11 vai trò như sau:

5.1. Kết luận

Vai trò này xuất hiện trong ngữ cảnh hội thoại đã hoạt động một thời gian và người đối thoại có ý định kết luận hội thoại. *OK* đứng trước phần kết luận, ví dụ trong trường hợp A hẹn gặp B để trả lại sách.

A: *Mai gặp nhau mấy giờ cậu nhỉ?*

B: *9 giờ sáng nhé, được không?*

A: *Được chứ!*

B: *OK, gặp nhau mai nhé!*

Trong trường hợp nêu trên, *OK* làm vai trò để kết luận hội thoại rằng ngày mai họ sẽ gặp nhau lúc 9 giờ sáng.

5.2. Đánh giá

OK có thể đánh giá khi người nói có ý định đánh giá người đối thoại một điều gì đó. Chính vì vậy, *OK* trong vai trò này không thể xác định được rõ ràng vì đó chỉ là hướng chỉ rõ trong lòng (norm) của mỗi người mà hoàn toàn khác nhau. *OK* làm vai trò như động từ, ví dụ trong hội thoại giữa cô giáo và học trò sau khi cô đã đi viếng đám ma bố của một cô giáo khác cùng trường.

Cô: *Cô mới đi đám ma bố của cô Cúc về.*

Học trò: *Em không biết tin buồn này, cô Cúc OK không ạ?*

Cô: *OK*

Trong trường hợp này nêu trên, vai trò của các từ *OK* cả của cô giáo và học trò đều mang nghĩa là ổn và tâm trạng đã khá hơn.

5.3. Phát ngôn trước khi kết thúc hội thoại

OK đóng vai trò trong ngữ cảnh người đối thoại đang chuẩn bị kết thúc hội thoại nên phát ngôn từ *OK*, ví dụ trong trường hợp hội thoại hỏi đường qua điện thoại.

A: *Cậu cho mình hỏi, xe 545 có đi qua bến xe Morchit không nhỉ?*

B: *Tớ không chắc lắm nhưng tớ nghĩ là không qua đâu. Cậu bắt xe 104 đi.*

A: *Thế à! Cảm ơn cậu, tớ sẽ hỏi lại C cho chắc vậy. À, mai gặp nhau lúc mấy giờ ý nhỉ?*

B: *Tầm khoảng 8 giờ tối nhé.*

A: *Ừ.*

B: *OK. Thôi nhé! Gặp nhau tối mai.*

Trong trường hợp nêu trên, vai trò của các từ *OK* là dùng để chuẩn bị kết thúc cuộc hội thoại.

5.4. Khẳng định suy nghĩ của mình

OK xuất hiện trong hội thoại mà nó không liên quan với người đối thoại. Nó làm vai trò như người nói đang nói với bản thân mình, ví dụ trong trường hợp A và B có cuộc họp vào buổi tối nhưng họ lại gặp nhau ngẫu nhiên trước đó vào buổi sáng.

A: *Thế có gì chúng mình sẽ thảo luận tiếp chuyện này trong cuộc họp tối nay nhé.*

B: *Ồ, họp gì vậy? À,... OK, chúng mình có cuộc họp tối nay. Tớ quên mất!*

Trong trường hợp nêu trên, *OK* của B không phải là câu trả lời hoặc phản ứng của A mà nó lại là biểu hiện sự nhận ra của B như B đang nói với bản thân mình.

5.5. Kết thúc hội thoại

OK trong vai trò này xuất hiện trong câu cuối cùng của hội thoại khi người đối thoại có ý định kết thúc hội thoại nên phát ngôn từ *OK*. Tuy nhiên, vai trò này hiếm khi xuất hiện vì nó biểu hiện trực tiếp rằng người nói không hài lòng về cuộc hội thoại này lắm, ví dụ trong trường hợp A và B đang nói chuyện về cách di chuyển đến một địa điểm.

A: *Cậu sẽ đi bằng gì?*

B: *Tớ đi tàu điện ngầm rồi mới đi thuyền tiếp.*

A: *Cậu biết cách đi chứ!*

B: *OK.*

Trong trường hợp nêu trên, *OK* dùng để kết thúc hội thoại.

5.6. Khởi đầu trước khi trình bày

OK xuất hiện khi người nói muốn phát ngôn một chủ đề và muốn thu hút sự chú ý từ người nghe. Vì thế, *OK* làm vai trò như từ *well* trong tiếng Anh, ví dụ trong trường hợp B đang kiểm tra bài cho A.

A: *Này, cậu xem câu này cho tớ với. Ngữ pháp có đúng không nhỉ?*

B: *OK, xem nào, phải sửa một chút ở chỗ này thì sẽ hợp lí hơn.*

A: *Thế à!*

Trong trường hợp nêu trên, B nói *OK* rồi mới trả lời câu hỏi của A. Như vậy, *OK* trong ngữ cảnh này là vô nghĩa, nó chỉ dùng để bắt đầu chủ đề của cuộc hội thoại.

5.7. Đề nghị sự đồng ý

OK xuất hiện khi người nói muốn người nghe làm một điều gì đó. Như vậy, *OK* sẽ mang nghĩa như chấp nhận và có câu hỏi tiếp theo như *có ... không?* hoặc *phải không?* cùng

với có ngữ điệu cao. Ví dụ như trong hội thoại giữa thầy giáo và sinh viên A, thầy giáo nhờ sinh viên kiểm tra bài viết nhưng sinh viên A chưa có thời gian nên thầy nhờ một em sinh viên B làm trước.

Thầy: *Thầy sẽ nhờ em B đọc trước trong khi chờ em đọc lại lần cuối nhé.*

Em A: *Vâng ạ.*

Thầy: *Em biên tập cho thầy nhé, Krê không?*

Em A: *Vâng thầy ạ.*

Trong trường hợp nêu trên, từ *Krê* của thầy là biến thể của từ *OK* để biểu thị sự đồng ý và có từ *không?* đứng sau.

5.8. Chuyển sang chủ đề khác

OK xuất hiện khi người đối thoại có ý định chuyển chủ đề hội thoại, ví dụ trong trường hợp A muốn trao đổi một việc gì đó với B nhưng B lại nói đến chuyện khác trước.

B: *Mình đã nói với C rồi nhé!*

A: *Thật à!*

B: *Chúng mình không còn giận nhau nữa.*

A: *Tốt quá.*

B: *Hôm sau mình sẽ hẹn nhau đi chơi. OK, chuyển sang chuyện của cậu đi.*

Trong trường hợp nêu trên, sau khi B kết thúc chuyện C và muốn chuyển sang chủ đề của A nên sử dụng từ *OK* trước rồi mới bắt đầu nói đến chuyện tiếp theo.

5.9. Biểu thị sự nhận biết của người nói

OK trong vai trò này xuất hiện khi người đối thoại muốn hiểu biết phát ngôn nào đó. Ví dụ trong trường hợp của A đang hỏi B về việc đặt phòng khách sạn hay chưa.

A: *Mình có cần đặt phòng khách sạn ngay bây giờ không?*

B: *Không cần đâu, nhưng mai phải gọi lại cho khách sạn.*

A: *Hmmm OK*

OK trong câu cuối dùng để biểu thị sự nhận biết của A

5.10. Biểu thị sự chấp nhận

OK trong vai trò này chia ra được bốn loại: 1) chấp nhận ý kiến; 2) chấp nhận điều kiện; 3) chấp nhận đề nghị và 4) chấp nhận ra lệnh.

1) Chấp nhận ý kiến

OK xuất hiện trong ngữ cảnh ý kiến của người đối thoại được chấp nhận và đồng ý. Ví dụ như trong trường hợp hai người đang cùng nhau sáng tác một bài thơ.

A: *Mình đề nghị sửa một số từ của cậu nhé, cậu thấy thế nào?*

B: *OK! Mình cũng sẽ sửa của cậu ở dòng này nhé.*

Trong trường hợp nêu trên, *OK* dùng để chấp nhận ý kiến sửa bài thơ rồi sau đó người nói mới phát ngôn đến chuyện khác.

2) *Chấp nhận điều kiện*

OK xuất hiện trong ngữ cảnh người đối thoại chấp nhận điều kiện. Ví dụ như trong trường hợp của A muốn tham khảo ý kiến của B về bài luận văn.

A: *Chị ơi, cho em hỏi một chút về luận văn được không?*

B: *Em có vội không? Để chị đi tắm đã nhé!*

A: *Khê Khê được ạ, em sẽ chờ chị.*

Trong trường hợp này, *Khê Khê* là biến thể của OK dùng để biểu thị sự chấp nhận điều kiện của B.

3) *Chấp nhận đề nghị*

OK xuất hiện khi người đối thoại chấp nhận đề nghị, ví dụ trong trường hợp A đã đề nghị B mà học chuyên ngành ngữ văn Thái tìm một người chuyên môn đọc bài thơ cho mình.

A: *Mình đang sáng tạo bài thơ, bạn đọc cho mình nhé.*

B: *OK luôn.*

Trong trường hợp này, B dùng OK để chấp nhận đề nghị của A.

4) *Chấp nhận ra lệnh*

OK xuất hiện khi người đối thoại chấp nhận lời đề nghị, yêu cầu, mệnh lệnh hoặc sai khiến, nhờ vả. Ví dụ trong trường hợp A nhờ B ghé qua chợ lấy cho mình.

A: *Lấy hộ tớ ít hoa hồng, hoa cúc và hoa nhài nhé!*

B: *OK! Tí nữa mình đi lấy cho.*

Trong trường hợp này, B dùng OK để chấp nhận lời nhờ vả của A.

5.11. *Biểu thị sự hiểu biết*

OK xuất hiện khi người đối thoại muốn biểu thị sự hiểu biết của mình sau khi đã nghe một phát ngôn gì đó, ví dụ trong trường hợp A đang kiểm tra bài của B nhưng có một số từ không chắc nên hỏi lại B.

A: *Từ này viết như thế này hả B?*

B: *Ừ, đúng rồi đấy!*

A: *OK, thế thì mình kiểm tra xong rồi đấy.*

Trong trường hợp này, OK dùng để biểu thị là A đã hiểu rõ ý của B.

6. Chức năng của từ OK trong tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Thái

Theo ngữ dụng học, từ OK trong tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Thái có 05 chức năng chung là: 1) Biểu thị sự chấp nhận, đồng ý; 2) Biểu thị sự nhận biết, hiểu biết; 3) Kết thúc hội thoại; 4) Chuyển sang chủ đề khác; 5) Đánh giá, tức OK làm vai trò như một tính từ và mang nghĩa là tốt, là ổn, là đẹp v.v. Nhưng nếu so với chức năng của từ OK giữa tiếng Việt và tiếng Thái, OK có 06 chức năng chung là: 1) Kết luận; 2) Đánh giá; 3) Biểu thị sự chấp nhận; 4) Biểu thị sự hiểu biết; 5) Chuyển sang chủ đề khác; 6) Kết thúc hội thoại. Nói cách khác, cả sáu chức năng của từ OK trong tiếng Việt đều là chức năng của từ OK trong tiếng Thái. Chính vì vậy, người Việt và người Thái sử dụng từ OK trong hoàn cảnh giao tiếp tương đương nhau theo các chức năng nêu trên.

Có thể nói *OK* mang nghĩa của sự chấp nhận đã phản ánh tính cách của cả người Việt và người Thái, tức là người ta thường biểu thị đồng tình và chấp nhận phát ngôn của người đối thoại hơn biểu thị sự tranh cãi hoặc phê bình và người Thái đề cao mối quan hệ và việc giữ thể diện của người đối thoại. Hơn nữa, *OK* có thể biểu thị sự tuân thủ và thỏa thuận. Chính vì *OK* đã xuất hiện trong nhiều bối cảnh của hội thoại, điều này khiến cho ngữ nghĩa của *OK* đã được mở rộng ra và hấp thụ nghĩa của từ bên cạnh và gây ra nghĩa mới của *OK* và được sử dụng trong nhiều ngữ cảnh hơn. Đặc biệt là trong vai trò đánh giá cần thiết phải dựa vào từng bối cảnh vì từ *OK* không mang ý nghĩa rõ ràng và cố định nhưng nó mang nghĩa tích cực liên quan đến phát ngôn trong hội thoại. Chính vì vậy, nếu có câu hỏi là *Dạo này sức khỏe có OK không?*, từ *OK* trong phát ngôn này sẽ mang nghĩa là sức khỏe tốt. Còn trong câu hỏi *Đi chơi ở đó có OK không?*, từ *OK* sẽ mang nghĩa là đẹp, yên tĩnh, ấn tượng, thú vị, hấp dẫn. Như vậy, sự đánh giá của từ *OK* trong các trường hợp này cần thiết phải xem xét bối cảnh của hội thoại, phi ngôn ngữ cũng như các điều kiện khác có ảnh hưởng đến hiệu suất của hội thoại đó. Nói cách khác là *OK* có thể đóng vai trò tương tự như một từ ngữ, tính từ hoặc phó từ.

Kết quả phân tích chức năng của từ *OK* theo ngữ dụng học trong hội thoại tiếng Thái có 11 chức năng. Theo góc nhìn trong mặt hành động ngôn ngữ của ngữ dụng học, phát ngôn có thể trở thành hành động ngôn ngữ nếu dựa vào các điều kiện sau đây: điều kiện đề xuất (Propositional Condition), điều kiện chuẩn bị (Preparatory Condition), điều kiện chân thành (Sincerity Condition) và điều kiện cần thiết (Essential Condition). *OK* là một phát ngôn có thể làm vai trò hành động ngôn ngữ rất đa dạng trong tiếng Thái. Chính vì vậy, *OK* là một phát ngôn rất thú vị đáng kể.

Nhưng từ *OK* trong tiếng Anh có chức năng đáng chú ý và khác biệt với chức năng trong tiếng Việt và tiếng Thái là *OK* không thông dụng trong vai trò khẳng định ý kiến của mình và vai trò kết thúc hội thoại vì người nói sẽ bị coi là bất lịch sự. Tuy nhiên, cần phải xem xét ngữ điệu, khuôn mặt, tâm trạng của người đối thoại. Hơn nữa, người sử dụng tiếng Anh không nói từ *OK* lặp lại nhiều lần như người Việt và người Thái, trong khi đó tiếng Thái lại sử dụng cách lặp lại này để biểu thị sự nhiệt tình. Ví dụ như trong trường hợp A đang nhắc nhở B là sắp hết hạn nộp bài của nhóm rồi.

A: *Khi nào mới xong bài bạn nhỉ? Sắp hết hạn rồi đấy!*

B: *OK OK OK. Mình sẽ hoàn thành trong ngày mai.*

Tuy nhiên, cách lặp đi lặp lại từ *OK* trong một số trường hợp lại mang nghĩa là người nói không hài lòng hoặc không vui lòng với hội thoại lắm, ví dụ trong trường hợp A muốn rủ B đi chùa từ sáng sớm.

A: *Mai đi chùa mấy giờ cậu nhỉ?*

B: *Chúng mình phải đi từ sáng sớm, 5 giờ sáng cậu đi được không?*

A: *OK OK, đi tầm đó cũng được.*

Trong trường hợp này, *OK* dùng để biểu thị sự chấp nhận đề nghị nhưng chấp nhận một cách miễn cưỡng vì có từ cũng được là tín hiệu thể hiện tâm trạng của người đối thoại. Hơn nữa, *OK* trong trường hợp để trả lời lời xin lỗi của người đối thoại chỉ xuất hiện trong hội thoại tiếng Anh, không xuất hiện trong tiếng Thái như ví dụ sau đây:

A: *I know I'm so wrong with you, I'm so sorry.*

B: *OK, I hope you will not do that again.*

Có thể nói, các chức năng của từ OK trong tiếng Anh như: kiểm tra sự hiểu biết, xin phép hoặc xin ý kiến của người nghe, đề làm chiến lược luân phiên, từ chối cáo buộc, biểu thị có ý định và sẵn sàng phát ngôn, thu hút sự chú ý từ người nghe, kéo dài thời gian và thích ứng một lời nói thành lời nói cá nhân, không xuất hiện trong hội thoại của người Việt và người Thái ngoài chức năng khởi đầu hội thoại trong tiếng Anh đã xuất hiện trong hội thoại của người Thái. Hơn nữa, các chức năng của từ OK trong tiếng Thái như: phát ngôn trước khi kết thúc hội thoại, khẳng định suy nghĩ của mình và đề nghị sự đồng ý được coi là ba chức năng riêng biệt trong tiếng Thái mà không xuất hiện trong cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt.

7. Thay lời kết

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt và sự giống nhau của chức năng của từ OK trong tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Thái. Mặc dù OK là từ biểu thị chấp thuận, chấp nhận, đồng ý hoặc thừa nhận của người sử dụng tiếng Anh, người Việt và người Thái nhưng nó lại có chức năng khác biệt tùy theo hoàn cảnh xã hội khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ái Nhi, *Đi tìm xuất xứ của từ OK*, <http://kenh14.vn/kham-pha/di-tim-xuat-xu-cua-tu-ok-2010122411213195.chn>, truy cập ngày 21/08/2018, 2010.
2. Hai Khanh, *Nguồn gốc của từ OK*, <https://vnexpress.net/tin-tuc/giao-duc/hoc-tieng-anh/nguon-goc-cua-tu-ok-3357313.html>, truy cập ngày 21/08/2018, 2016.
3. Phạm Văn Tình, *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt: K và OK*, <https://laodong.vn/van-hoa/k-va-ok-310045.bld>, truy cập ngày 21/08/2018, 2015.
4. Tuấn Vĩ, *Từ OK chính thức xuất hiện trong tiếng Anh khi nào?*, <https://thethaovanhoa.vn/the-gioi/tu-ok-chinh-thuc-xuat-hien-trong-tieng-anh-khi-nao-n20170323152324302.htm>, truy cập ngày 30/08/2018, 2017.

Tiếng Anh

5. Cambridge Dictionary, *Okay, OK*, <https://dictionary.cambridge.org/grammar/british-grammar/okay-ok>, truy cập ngày 13/11/2023, n.d.
6. Deepadung Sutjaritlak, *Introduction of Pragmatics (2nd ed.)*, Nakhon Pathom: Research Institute of Languages and Cultures of Asia, Mahidol University, 2009.
7. Oxford English Dictionary, *OK*, https://www.oed.com/dictionary/ok_adj?tl=true, truy cập ngày 13/11/2023, n.d.
8. Oxford Learner's Dictionaries, *OK*, https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/ok_2, truy cập ngày 13/11/2023, n.d.
9. Prasithrathsint Amara, *Sociolinguistics (5th ed.)*, Chulalongkorn University press, Bangkok, 2013.
10. Wutthichamnong Weena, *Pragmatic functions of Okay in Thai conversation*, Journal of community development research (Humanities and social sciences), 9(2), 115-127, 2016.